

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày: 13-5-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm (lần 2) số 19/TB-TA ngày 31 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm (lần 3) số 23/TB-TA ngày 26 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm (lần 3) số 13/2022/QĐ-PT ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm (lần 4) số 16/2022/QĐ-PT ngày 21/02/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 01/2022/QĐPT-DS ngày 24/02/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm (lần 6) số 28/TB-TA ngày 16/3/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 29/TB-TA ngày 28/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm (lần 5) số 23/2022/QĐ-PT ngày 08/4/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 27/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm (lần 6) số 27/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022; Quyết định Thay đổi Thẩm phán số 317/2022/QĐ-TA ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N), sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 33, tổ dân phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện

Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/5/2022).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đinh Thị T: **Ông Trần Ngọc T**. Địa chỉ: Số nhà 55, tổ dân phố 11, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Đ**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà 33, tổ dân phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/5/2022).

- **Ông Đỗ Văn Q**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 51, tổ dân phố 8, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

4. Người làm chứng: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đinh Thị T.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử sơ thẩm tóm tắt nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì người kháng cáo bị đơn bà Đinh Thị T tự ý bỏ về khi chưa được sự nhất trí của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử đã vào phòng nghị án để thảo luận về việc bị đơn bà Đinh Thị T tự ý bỏ về. Trong thời gian Hội đồng xét xử thảo luận về việc bà T tự ý bỏ về thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T tự ý đi về không tham gia phiên tòa xét xử.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên trong năm 2019 bà N đã cho bà Đinh Thị T vay tổng số tiền gốc là 174.000.000 đồng, các lần vay cụ thể như sau:

Lần 1. Trong ngày 18/01/2019 bà N cho bà T vay 02 lần (lần 1 vay 42.000.000 đồng, lần 2 vay 28.000.000 đồng), tổng số tiền là 70.000.000 đồng.

Lần 2. Ngày 27/3/2019 bà N cho bà T vay 84.000.000 đồng.

Lần 3. Ngày 03/10/2019 bà N cho bà T vay 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà N số tiền gốc là 174.000.000 đồng và số tiền lãi trên số nợ gốc (tính theo lãi suất 10%/năm) là 39.676.273 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi, bà T phải trả cho bà N là 213.676.273 đồng.

Ngoài ra, bà T phải trả cho bà N số tiền 10.010.000 đồng là tiền giám định

chữ viết của bà T mà bà N đã tạm ứng trước để giám định, cho bà T cho rằng các giấy vay tiền không phải chữ viết của bà T, nay đã có kết quả giám định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Bà T trình bày bà có quen biết bà N là thông qua bà Phạm Thị H (địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên) giới thiệu bà T đến vay tiền của bà N, bà T cho rằng bà chỉ vay tiền bà N các lần như sau:

Lần 1. Ngày 18/02/2019 vay 10.000.000 đồng tiền gốc, bà N cộng cả gốc và lãi trong vòng 30 ngày là 14.000.000 đồng. Giấy vay tiền ghi 14.000.000 đồng.

Lần 2. Ngày 20/02/2019 vay 10.000.000 đồng tiền gốc, bà N cộng thêm 4.000.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày thành 14.000.000 đồng. Giấy vay tiền ghi 14.000.000 đồng.

Lần 3. Ngày 22/02/2019 vay 20.000.000 đồng (trong đó gốc là 14.000.000 đồng, lãi là 6.000.000 đồng trong 30 ngày). Giấy vay tiền ghi là 20.000.000 đồng.

Tổng số 3 lần vay cả gốc và lãi là 48.000.000 đồng, số tiền là bà T đã trả cho bà N được 45.000.000 đồng, cụ thể từng lần trả như sau:

Lần 1. Ngày 19/3/2019 trả 15.000.000 đồng. Lần 2. Ngày 20/3/2019 trả 12.000.000 đồng. Lần 3. Ngày 25/10/2019 trả 10.000.000 đồng. Lần 4. Tháng 12.2019 trả 5.000.000 đồng. Lần 5. Ngày 20/01/2020 trả 3.000.000 đồng.

Bà T cho rằng những lần trả tiền trên đều được bà N ghi trong sổ của bà N, bà Tuyết đã ký bên người trả, sổ bà N cầm bà T không được cầm giấy tờ gì. Các giấy vay nợ bà N nộp cho Tòa án không phải chữ viết của bà T nên bà T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N. Nay bà T chỉ còn nợ bà N số tiền là 3.000.000 đồng và bà T đồng ý trả cho bà N số tiền 3.000.000 đồng. Bà N cho bà T vay lãi suất cao, cứ 10 triệu đồng vay trong 01 tháng thì phải trả bà N 4 triệu đồng tiền lãi nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc vay lãi suất cao này. Bà T yêu cầu bà N phải cung cấp quyền sở mà các lần bà T trả tiền cho bà N đã ghi trong sổ đó. Bà T không công nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền do bà N cung cấp cho Tòa án, nhưng bà T không yêu cầu giám định. Sau khi có kết quả giám định bà T không nhất trí với kết quả giám định nhưng bà T không yêu cầu giám định lại. Tại phiên tòa, bà T cho rằng các tài liệu gửi giám định là Đơn đề nghị ngày 16/6/2021 bà giao nộp cho Tòa án và các chữ ký, chữ viết tại Biên bản hòa giải ngày 16/6/2021 không phải chữ ký, chữ viết của bà, bà cho rằng các tài liệu đó đã bị thay đổi nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Q trình bày: Ông Q không có liên quan gì đến vụ án, bởi vì toàn bộ quá trình bà Đinh Thị T ký nhận vay tiền, trả tiền với bà Trần Thị Hồng N, ông Q không biết và không tham gia (Bút lục số 179).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trình bày: Ông Đ và bà Trần Hồng N là vợ chồng, chung sống đã lâu, ông không quen biết và có mối quan hệ gì với bà Đinh Thị T, ông chỉ nghe bà N nói có cho bà T vay tiền và vào ngày 13/10/2019 ông có ký vào giấy vay tiền của bà N với tư cách là người làm chứng khi bà T vay tiền tại nhà ông bà Đ – N. Ông Đ trình bày số tiền cho bà T vay là tiền riêng của bà N, ông không có ý kiến gì về khoản tiền đó và không có đề nghị hay yêu cầu gì. Ông Đ cho rằng ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên ông từ chối tham gia tố tụng (Bút lục số 175 – 176).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì lời khai của hai bên và chứng cứ có nhiều mâu thuẫn. Quyền sở hữu như bà T trình bày có ghi các khoản tiền bà đã trả bà N, hiện nay bà N đang giữ không thu thập được. Bà Hà là người làm chứng duy nhất không có mặt tại phiên tòa dẫn đến vụ án giải quyết không được khách quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 161, Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là: 447.727 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N). Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho bà bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N) số tiền gốc là: 174.000.000 đồng; tiền lãi là 39.676.273 đồng. Tổng số cả gốc và lãi là: 213.676.273 đồng.

3. Về chi phí tố tụng (giám định): Bà Đinh Thị T phải trả cho bà Trần Thị Hồng N số tiền là: 10.010.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021, bị đơn bà Đinh Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Trong quá trình xét xử tại phiên tòa, người kháng cáo bị đơn bà Đinh Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T tự ý bỏ về khi chưa có sự nhất trí của Hội đồng xét xử.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện việc Thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn (người kháng cáo) bà Đinh Thị T tham gia hết phần thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm, chủ tọa phiên tòa đang công bố nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm thì bà T tự ý bỏ về khi chưa được sự nhất trí của Hội đồng xét xử. Khi Hội đồng xét xử đang thảo luận về việc bà T tự ý bỏ về thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là ông Trần Ngọc T cũng tự ý bỏ về khi chưa được sự nhất trí của Hội đồng xét xử. Như vậy, bà T và ông T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Vi phạm Điều 70, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị T đối với Bản án số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị T:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T: Ngày 28/8/2021, bà T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy

định của pháp luật, bà Đinh Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, như vậy việc kháng cáo của bà Đinh Thị T là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Hồng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Q, người làm chứng bà Phạm Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nêu trên.

[1.3] Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa đã giải thích quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Đinh Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và có mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án, phải tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa, tuy nhiên khi chủ tọa đang công bố tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm thì bị đơn Đinh Thị T đứng dậy nói bỏ chồng bị ốm, sau đó bà T tự ý bỏ về khi chưa được sự nhất trí của Hội đồng xét xử. Trong quá trình Hội đồng xét xử đang thảo luận thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T cũng tự ý đi về khi chưa được sự nhất trí của Hội đồng xét xử. Như vậy, bị đơn bà Đinh Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T đã tự từ bỏ quyền đưa ra ý kiến về việc kháng cáo vụ án, không tham gia tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa xét xử.

Do nguyên đơn bà Trần Hồng N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Q và người làm chứng bà Phạm Thị H vắng mặt không có lý do; bị đơn bà Đinh Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc T tự ý bỏ về không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự đều không có mặt tại phiên tòa nên phần tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa xét xử không thể tiến hành được. Chủ tọa đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk quan điểm về việc giải quyết vụ án,

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N:

- Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà N số tiền gốc là 174.000.000 đồng và số tiền lãi trên số nợ gốc (tính theo lãi suất 10%/năm) là 39.676.273 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi, bà T phải trả cho bà N là 213.676.273 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại các giấy vay tiền ngày 18/02/2019 (Bút lục số 61, 64) bà N cho bà T vay 42.000.000 đồng và 28.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 27/03/2019 (Bút lục số 63) bà N cho bà T vay 84.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 03/10/2019 (Bút lục số 62) bà N cho bà T vay 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T vay của bà N là 174.000.000 đồng.

Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được và do các bên đương sự cung cấp tại cấp sơ thẩm, căn cứ vào kết luận giám định số 754/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“Chữ viết đứng tên “Người vay” Đinh Thị T trên các tài liệu gửi giám định cụ thể như sau:

- “Giấy vay tiền”, đề ngày 03/10/2019, ký hiệu A1.
- 02 “Giấy vay tiền”, đều đề ngày 18/02/2019, ký hiệu A2, A3.
- “Giấy vay tiền”, từ dòng 8 đến dòng 20 trang 2, đề ngày 27/3/2019, ký hiệu A4 với chữ viết đứng tên Đinh Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra”.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định bà T có vay bà N tổng số tiền 174.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải trả cho bà N số tiền lãi 39.676.273 đồng trên tổng số tiền gốc 174.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng trong các giấy vay tiền đều ghi ngày vay và thời hạn trả nợ, mặc dù trong các giấy vay tiền không ghi lãi suất bao nhiêu; theo lời trình bày của bà T cho rằng bà N cho bà T vay và phải trả tiền với lãi suất rất cao nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà N cho bà T vay lãi suất cao. Bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lãi cho bà N với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày bà T hẹn trả tiền cho bà N đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc là Thuyết phải trả cho bà N số tiền lãi 39.676.273 đồng trên tổng số tiền gốc 174.000.000 đồng mà bà T nợ bà N là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Đối với số tiền chi phí giám định: Bà N yêu cầu Tòa án buộc bà T phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí giám định là 10.010.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc bà N cho bà T vay số tiền 174.000.000 đồng, thể hiện tại các giấy vay tiền ngày 18/02/2019, 27/3/2019, 03/10/2019 là có thật, tuy nhiên bà T không thừa nhận chữ viết của bà trong các giấy vay tiền, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ viết của bà T trong các giấy vay tiền, kết luận giám định số 754/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *“Chữ viết đứng tên “Người vay” Đinh Thị T trên các giấy vay tiền là do cùng một người viết ra”* và là chữ viết của bà Đinh Thị T. Số tiền chi phí giám định bà N đã tạm ứng trước là 10.010.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T phải chịu chi phí giám định trên là đúng quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của bà Đinh Thị T: Bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, vì

phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Thứ nhất, bà T kháng cáo cho rằng lời khai của bà và người khởi kiện bà Trần Hồng N hoàn toàn trái ngược nhau nhưng không được xem xét, đánh giá và làm rõ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, đánh giá tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự một cách khách quan, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà T.

Thứ hai, bà T kháng cáo không chấp nhận kết quả giám định theo Kết luận giám định số 745/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên với lý do toàn bộ đối tượng giám định bao gồm mẫu cần giám định, mẫu so sánh đều không phải chữ viết, chữ ký của bà mà là chữ viết, chữ ký của người nào đó. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tại Biên bản hòa giải ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có mặt những người tiến hành tố tụng và những người tham gia phiên họp, bà T có mặt tại phiên họp và đã ký tên vào dưới mục Các đương sự tham gia phiên họp, đây là chữ viết, chữ ký của bà T tại phiên hòa giải ngày 16/6/2021; Đơn đề nghị ngày 16/6/2021 của bà Đinh Thị T gửi đến Tòa án có biên bản giao nhận giữa bà T và Tòa án nhân dân thành phố Đ; trong đơn đề nghị là chữ viết của bà T, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy các mẫu chữ viết trong các giấy vay tiền để so sánh với chữ viết trong Đơn đề nghị ngày 16/6/2021, Biên bản hòa giải ngày 16/6/2021. Sau khi có kết luận giám định là cùng một người viết ra. Bà T không chấp nhận theo Kết luận giám định số 745/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhưng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà T không yêu cầu giám định lại. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định lại chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền; tuy nhiên trong thời gian tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm, bà T không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu giám định theo Công văn số 118/CV-TA ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, do đó Tòa án không thực hiện được việc trưng cầu giám định lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, bà T lại có yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để bà đi giám định lại chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền, xét thấy yêu cầu của bà T không có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc không chấp nhận Kết luận giám định số 745/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên của bà T.

Bà T kháng cáo cho rằng bà chỉ vay bà N số tiền 48.000.000 đồng tiền gốc và đã trả 45.000.000 đồng, còn nợ lại bà N 3.000.000 đồng; các lần vay tiền, trả tiền gốc và lãi bà T đều ghi vào quyền sở của bà N; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại cấp sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định yêu cầu bà N cung cấp quyền sở vay nợ như bà T đã trình bày, bà N đã trình bày không có quyền sở nào như bà T nói, các lần vay tiền đều được ghi thể hiện bằng các giấy vay tiền ngày 18/02/2019, 27/3/2019, 03/10/2019, cho đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền vay

cho bà N; bà T cũng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc vay tiền, trả tiền giữa hai bên được ghi trong quyển sổ như bà T trình bày, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng yêu cầu kháng cáo này của bà T không có căn cứ để chấp nhận.

Thứ ba, bà T kháng cáo không chấp nhận tính lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của bà N bởi vì những hợp đồng vay tiền đó là giả mạo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc bà T vay của bà N số tiền 174.000.000 đồng là có căn cứ, việc vay tiền không phải giả mạo, căn cứ vào Kết luận giám định số 745/GĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, do đó bà T phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc trên cho bà N và trả tiền lãi trên số tiền gốc cho bà N từ ngày hẹn trả tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Thứ tư, bà T kháng cáo không chấp nhận phải trả cho bà N số tiền chi phí giám định bởi vì bà N tự yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết thì bà N phải tự chi trả chi phí giám định đó nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà T phải trả cho bà N toàn bộ số tiền chi phí giám định bà N đã tạm ứng trước tiền chi phí giám định. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T phải chịu chi phí giám định trên là đúng quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về nội dung này của bà T.

Thứ năm, bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng về đối chất, giám định chữ viết và chữ ký, triệu tập người làm chứng.

Tại cấp sơ thẩm Tòa án đã ra Thông báo hòa giải giữa bà N và bà T cho các bên tham gia hòa giải, đối chất nhưng giữa các bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Tại cấp phúc thẩm, căn cứ vào Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã ra Quyết định đối chất giữa bà N, ông Đ và bà T, tuy nhiên vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ có văn bản từ chối tham gia tố tụng và các tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện việc bà T vay của bà N số tiền 174.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản triệu tập người làm chứng là bà Phạm Thị H đến để giải quyết vụ án, tuy nhiên bà H không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương để xác minh về sự vắng mặt của bà Phạm Thị H. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Phạm Thị H là chưa đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng tại cấp phúc thẩm đã khắc phục kịp thời, đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Mặt khác do bà Đinh Thị T không chấp nhận việc bà vay tiền của bà N, không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền ngày 18/02/2019, ngày 27/3/2019 và ngày 03/10/2019 nên bà N đã có yêu cầu giám định chữ viết trong các giấy vay tiền trên, sau khi có kết luận giám định chữ viết của bà T

trong các giấy vay tiền trên đúng là chữ viết của bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định được rằng bà Đinh Thị T vay tiền của bà Trần Hồng N là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng : Bị đơn bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 161, Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Cụ thể:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là: 447.727 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N). Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N) số tiền gốc là: 174.000.000 đồng; tiền lãi là 39.676.273 đồng. Tổng số cả gốc và lãi là: 213.676.273 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Hồng N cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Đinh Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng (giám định): Bà Đinh Thị T phải trả cho bà Trần Thị Hồng N số tiền là: 10.010.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu số tiền 10.683.814 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Trần Hồng N (tên gọi khác: Trần Thị Hồng N) số tiền 5.353.000 đồng tiền tạm ứng án phí có giá ngạch đã nộp theo biên lai số 0001542 ngày 12/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên..

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000590 ngày 30/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- TAND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng